

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 - 2008

ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP
NGÀNH KIẾN TRÚC

Sinh viên thực hiện : NGUYỄN QUANG TRUNG

Giáo viên hướng dẫn: THS.KTS NGUYỄN THỊ NHUNG

Hải Phòng 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

BẢO TỒN VÀ TÔN TẠO DI TÍCH CHÙA PHUC LINH

ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

NGÀNH: KIẾN TRÚC

Sinh viên :NGUYỄN QUANG TRUNG

Giáo viên hướng dẫn:ThS - KTS NGUYỄN THỊ NHUNG

HẢI PHÒNG 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

Sinh viên: NGUYỄN QUANG TRUNG

Mã số:1351090018

Lớp: XD1301K

Ngành: Kiến trúc

Tên đề tài: TÔN TẠO VÀ BẢO TỒN DI TÍCH CHÙA PHÚC LINH – TP
HẢI PHÒNG

GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

Giáo viên hướng dẫn:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ NHUNG

Học hàm, học vị: THẠC SĨ – KIẾN TRÚC SƯ

Cơ quan công tác: Trường Đại học dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 20.....

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 20.....

Đã nhận nhiệm vụ ĐATN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐATN

Giáo viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2016

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỒ ÁN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đồ án tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của đồ án (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.A.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 20...

Cán bộ hướng dẫn

(họ tên và chữ ký)

LỜI CẢM ƠN

Sau 5 năm học tập và rèn luyện tại trường Đại học dân lập Hải Phòng, nhờ sự chỉ bảo tận tâm của các giáo viên cùng với sự tạo điều kiện của nhà trường đã giúp em có thể hoàn thành được đồ án tốt nghiệp – đồ án cuối cùng của ngành kiến trúc.

Em xin chân thành cảm ơn ban giám hiệu nhà trường, các giáo viên, giảng viên của khoa xây dựng cùng các giáo viên bộ môn kiến trúc đã tận tình chỉ dẫn, truyền đạt kiến thức cho em, chấp cánh cho ước mơ hoài bão của em thành hiện thực

Đặc biệt, em xin được gửi lời cảm ơn chân thành tới cô giáo, thạc sĩ, kiến trúc sư Nguyễn Thị Nhung đã giúp đỡ, hướng dẫn để em có thể hoàn thành được đồ án này một cách tốt nhất

Mặc dù bản thân đã có cố gắng, nhưng do kiến thức và thời gian có hạn, cùng với kinh nghiệm, hiểu biết thực tế còn thiếu nên đồ án chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Em kính mong sẽ nhận được sự thông cảm cùng những lời nhận xét, góp ý về những thiếu sót trong đồ án của các thầy cô để em có thể hoàn thiện đồ án và củng cố kiến thức trước khi ra trường

Một lần nữa, em xin được chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, tháng 1 năm 2016

Sinh viên

NGUYỄN QUANG TRUNG

MỤC LỤC

PHẦN I. MỞ ĐẦU	8
1.1. Lí do chọn đề tài.....	8
1.2. Khái niệm về chùa.....	8
1.3. Đánh giá và định hướng phát triển kiến trúc Chùa Việt Nam.....	9
1.4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	10
PHẦN II. TÍNH TOÁN CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT CÓ LIÊN QUAN	14
2.1. Địa điểm xây dựng.....	14
2.2. Kích thước lô đất.....	14
2.3. Nhiệm vụ xây dựng và tôn tạo chùa Phúc Linh.....	14
PHẦN III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG	16
3.1. Hiện trạng sử dụng đất.....	16
3.2. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan.....	16
3.3. Hiện trạng môi trường.....	16
2. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật.....	16
PHẦN IV. ĐỀ XUẤT Ý TƯỞNG CHUNG CỦA ĐỒ ÁN	17
4.1. Quy hoạch:.....	17
4.1.1 Khái quát chung về Quy hoạch kiến trúc chùa Việt Nam.....	17
4.1.2 Giải pháp quy hoạch cho chùa Phúc Linh:.....	20
4.2. Thiết kế công trình:.....	21
PHẦN V. PHẦN KỸ THUẬT	27
5.1. Vật liệu và kỹ thuật xây dựng chùa.....	27
5.2. Kỹ thuật xây dựng.....	27
5.3. Kết luận.....	29
PHẦN HÌNH VẼ	30

PHẦN I. MỞ ĐẦU

1.1. Lí do chọn đề tài

Trong nhịp sống hối hả, đật chạt người đông, môi trường ô nhiễm với những bộn bề lo toan, cuộc sống bận rộn và căng thẳng con người càng đánh mất bản thân. Khi tâm con người lo lắng, phiền giận tư duy không được chính xác, bết tắc có thể đi đến những quyết định sai lầm mà sau này mình phải hối tiếc.

Chùa là một không gian thư giãn tinh thần, yên tĩnh để lắng đọng tâm tư, để có những giây phút yên bình trong tâm thức. Khi giảm được sự đè nén và căng thẳng con người sẽ vươn đến những khát vọng vô hạn, tìm lại được chính mình trong cuộc sống vốn hối hả và bộn bề lo toan này.

1.2. Khái niệm về chùa

Chùa là một công trình kiến trúc phục vụ mục đích tín ngưỡng. Chùa được xây dựng phổ biến ở các nước Đông Á và Đông Nam Á như Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam và thường là nơi thờ Phật. Tại nhiều nơi, chùa có nhiều điểm giống với chùa tháp của Ấn Độ, vốn là nơi cất giữ xá-lị và chôn cất các vị đại sư, thường có nhiều tháp bao xung quanh. Chùa là nơi tiêu biểu cho Chân như, được nhân cách hóa bằng hình tượng một đức Phật được thờ ngay giữa chùa. Nhiều chùa được thiết kế như một Man-đa-la, gồm một trục ở giữa với các vị Phật ở bốn phương. Cũng có nhiều chùa có nhiều tầng, đại diện cho Ba thế giới (tam giới), các cấp bậc tiêu biểu cho Thập địa của Bồ Tát. Có nhiều chùa được xây tám mặt đại diện cho Pháp luân hoặc Bát chính đạo.

Chùa còn là nơi tập trung của các sư, tăng, (hay ni nếu là chùa nữ) sinh hoạt, tu hành, và thuyết giảng đạo Phật. Tại nơi này, mọi người kể cả tín đồ hay người không theo đạo đều có thể đến thăm viếng, nghe giảng kinh hay thực hành các nghi lễ tôn giáo.

"Chùa chiền" theo Hán-Việt còn có nghĩa là "tự viện", là một nơi an trí tượng Phật và là chỗ cư trú tu hành của các tăng ni. Ngày nay trong thực tế chùa được gọi bằng cả từ Hán-Việt phổ thông như "Tự", "Quán", "Am".

1.3. Đánh giá và định hướng phát triển kiến trúc Chùa Việt Nam.

Phật giáo được du nhập vào Việt Nam từ rất sớm, khoảng thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên. Đầu Công nguyên với truyền cổ tích Chủ Đổng Tử học đạo của một nhà sư Ấn Độ. Đầu công nguyên, Luy Lâu (Bắc Ninh) là thủ phủ của quận Giao Chỉ sớm trở thành trung tâm Phật giáo quan trọng. Các truyền thuyết về Thạch Quang Phật và Man Nương Phật Mẫu xuất hiện cùng với sự giảng đạo của Khâu Đà La (Ksudra) trong khoảng các năm 168-189, Phật giáo hình thành nên hệ thống tín ngưỡng thờ Tứ Pháp.

Do tiếp thu Phật giáo trực tiếp từ Ấn Độ nên từ Buddha (bậc giác ngộ) được phiên âm trực tiếp thành "Bụt", từ đó chữ "Bụt" được dùng nhiều trong các truyện dân gian. Phật giáo Việt Nam lúc ấy mang màu sắc của Phật giáo nam truyền được địa phương hóa, Bụt được dân gian hóa coi như một vị thần cứu giúp người tốt. Sau này, vào thế kỷ thứ IV - V, do ảnh hưởng của Phật giáo nhà Hán từ Trung Quốc mà từ "Bụt" bị thay thế dần bởi từ "Phật". Trong tiếng Hán, từ Buddha được phiên âm thành "Phật đà", "Phật đồ" rồi được rút gọn thành "Phật".

Phật giáo ăn sâu, bám rễ vào Việt Nam từ rất sớm. Đến thời Ngô - Đinh - Tiền Lê, nhà Lý, nhà Trần, Phật giáo phát triển cực thịnh, được coi là quốc giáo, ảnh hưởng đến tất cả mọi vấn đề trong cuộc sống. Đến đời nhà Hậu Lê thì Nho giáo được coi là quốc giáo và Phật giáo đi vào giai đoạn suy thoái. Đến cuối thế kỷ XVIII, vua Quang Trung cố gắng chấn hưng đạo Phật, chỉnh đốn xây chùa, nhưng vì mất sớm nên việc này không có nhiều kết quả.

Đến nay do nhiều nhân duyên, Phật giáo Việt Nam đang được phát triển mạnh mẽ trở lại. Nhiều Chùa Phật được trùng tu, nhiều ấn phẩm Phật Giáo được ấn hành. Các nghi lễ Phật giáo không chỉ bó hẹp trong các Phật tử thiện tín mà đã lan rộng đến nhiều tầng lớp nhân dân Việt Nam. Việc tu bổ và xây dựng mở rộng quy mô chùa trở nên cấp thiết, nhằm đáp ứng chất lượng không gian cho việc tu tập cũng như nhu cầu tín ngưỡng của nhân dân.

Qua gần 2000 năm lịch sử Phật Giáo Việt Nam, kiến trúc Chùa cũng như Phật điện thay đổi cùng với thời gian và không gian. Tùy thuận theo sự phát triển văn hóa xã hội, kết hợp với địa hình, khí hậu vùng miền mà các kiến trúc chùa có

sự biến đổi sai khác. Nhưng dù cho sự biến đổi đã xảy ra như thế nào, chúng ta cũng nhận ra một số đặc điểm chung của chùa Việt Nam.

Ở Việt Nam cũng như ở nhiều nước phương Đông, bên cạnh đền, đình thờ thần, chùa Việt Nam là nơi thờ Phật, và trong nhiều trường hợp, thờ cả thần. Việc xây dựng chùa bao giờ cũng là công việc trọng đại đối với nhân dân làng quê Việt Nam. Trước tiên là phải chọn đất xây chùa. Việc chọn đất thường bị chi phối bởi quan niệm phong thủy, cho rằng vị trí của chỗ ở, thế đất, có ảnh hưởng to lớn đối với con người sống trên đó. Nhìn chung, chùa Việt Nam thường được dựng ở những nơi có cảnh trí thiên nhiên đẹp và có mối liên hệ với cộng đồng. Như vậy việc ý thức về môi trường cảnh quan tự nhiên và xã hội phải luôn được cân nhắc kỹ càng trong suốt quá trình xây dựng, tu bổ và phát triển chùa.

1.4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Trên đất nước Việt Nam hôm nay, đi đâu ta cũng gặp những lễ hội cổ truyền, mang đậm bản sắc “Tam giáo đồng nguyên” của Nho- Phật- Lão giáo. “Tam giáo đồng nguyên” là nét đẹp đặc trưng trong sinh hoạt văn hóa của cư dân đồng bằng Bắc Bộ, là hệ quả tất yếu quá trình tiếp biến văn hóa của người Việt cổ xưa khi đón nhận các tinh hoa văn hóa phương Đông từ hai nền văn minh Hoa- Ấn vô cùng rực rỡ. Dù thế, trong tâm linh người Việt, dường như Phật giáo vẫn là nòng cốt của “Tam giáo đồng nguyên”. Phải chăng vì thế nên vua Trần Thái Tông trong sách “Khóa hư lục” đã viết: “Vi minh nhân vong phân tam giáo- Liễu đặc đề đồng ngộ nhất tâm”. Nghĩa là: “Chưa sáng tỏ người ta làm phân biệt ba giáo khác nhau- Hiểu thấu triệt thì cùng giác ngộ: chỉ có một tâm”. Tâm ấy chính là tâm Phật!...

Hải Phòng, thành phố cảng lâu đời và sầm uất là cái nôi đầu tiên của Phật giáo Việt Nam. Theo nghiên cứu của nhiều vị cao tăng, cư sĩ học giả, khoảng 250 năm trước công lịch, đời Hùng Duệ Vương nước ta thì bên Ấn Độ diễn ra đại hội Phật giáo lần thứ năm, quyết định sẽ cử các tăng lữ đi du thuyết, truyền bá đạo Phật ở các quốc gia trong vùng. Chuyên thuyền đầu tiên chở vị sư Ấn Độ cập bến Đại Việt ở đất Hải Phòng truyền giáo. Sau đó ngài mới theo đường bộ tìm về kinh đô Văn Lang, giữa đường thấy núi Tam Đảo tụ nhiều linh khí bèn chọn đất xây

chùa trên núi, Hùng Duệ Vương đi săn đã từng gặp chùa và cung kính lễ Phật. Vì thế, năm 2005 các Thiền sư và Phật tử cả nước đã góp công sức, tiền của xây dựng Thiền Viện Tây Thiên trên núi Tam Đảo. Mỗi làng quê ngoại thành Hải Phòng đều đang lưu giữ, bảo tồn những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của một vùng đất đặc trưng tiêu biểu cho văn hóa Đại Việt cổ xưa, trong đó sâu đậm nhất vẫn là văn hóa Phật giáo. “Đồng Dụ có cam tiến vua- Đình thờ Đại Phạm với chùa Phúc Linh”.

Đặng Cương là xã thuần nông nghèo của huyện An Dương, mang tên một liệt sĩ anh hùng thời chống Pháp. Nơi đây xưa thuộc đất của hai làng Việt cổ là Đồng Dụ và Tri Yếu, kiến lập từ đời nhà Trần. Sử cũ chép rằng, 800 năm trước, huyện An Dương- Hải Phòng còn là nơi đầm lầy mênh mông, lau sậy um tùm. Nhà Lý suy tàn, nhà Trần thuận theo mệnh Trời, ý Phật, lòng dân lên nắm quyền đã ban hành nhiều chính sách khuyến nông, chấn hưng nước Đại Việt. Cư dân các nơi về đây khẩn hoang lập ấp. Họ tìm thấy rẻo đất bốn bề có sông ngòi bao bọc, ở giữa nổi lên một gò lớn theo thế “Kim tinh lạc thủy” là nơi quý địa nên đã quân tụ quanh gò này lập nên làng Đồng Dụ. Trải bao thăng trầm của lịch sử, làng Đồng Dụ xưa, nay thuộc xã Đặng Cương vẫn tiếp nối truyền thống anh hùng của tổ tiên, đem Hạnh vô ngã của Phật tử mà xả thân vì nền độc lập của dân tộc. Thời chống Pháp, Đồng Dụ là cơ sở du kích mạnh vùng ngoại ô Hải Phòng. Giặc Pháp đã tổ chức 32 cuộc hành quân vẫn không thắng nổi 60 tay súng du kích kiên cường, được nhân dân hết lòng che chở, đào hơn 400 căn hầm bí mật bảo vệ. Sang thời chống Mỹ, máy bay giặc đã bắn phá vào xã 112 trận với 261 quả bom tấn, 10 vạn quả bom bi, bom xuyên... Đồng đất nơi đây với 7 trận địa pháo phòng không của sư 363 và 10 trận địa của dân quân đã thành pháo đài kiên cường đánh chặn máy bay Mỹ, bảo vệ thành phố cảng. 25% dân số của xã tình nguyện nhập ngũ hoặc tham gia thanh niên xung phong trên khắp các chiến trường. Sư sãi cũng tham gia vác đạn hay nấu ăn, lau nòng pháo cho bộ đội...

Đất nước an bình, Đặng Cương trong quá trình phát triển, chính quyền nơi đây luôn trân trọng đời sống tâm linh của cộng đồng, chủ trương khôi phục và phát huy những giá trị văn hóa cổ truyền. Giờ đây xã đã phát triển thành nhiều thôn,

nhưng vẫn lấy hai làng cổ Tri yếu, Đồng Dụ làm gốc để lập kế hoạch xây dựng làng văn hóa. Đồng Dụ là một trong những làng ngoại thành Hải Phòng có phong trào khôi phục Hương ước cổ, chuyển hóa thành Hương ước làng văn hóa mới vào đầu những năm 90 của thế kỷ XX. Đền thờ Phật bà của làng được dân đóng góp duy tu, tôn tạo vừa là nơi thờ cúng linh thiêng, vừa là nơi hội họp của các bậc phụ lão thường xuyên theo dõi, động viên con cháu thực hiện những điều khoản thiết thực trong quy ước làng văn hóa mới. Tương truyền ngôi đền rất thiêng, có từ đời vua Lê Trung Tông (1548- 1556). Huyền tích dân gian kể rằng có bà ni sư Đào Xuân Nương trên đường chu du khắp nơi để tu tâm rèn tính, truyền bá giáo lý nhà Phật, ghé trang Đồng Dụ, gặp cảnh trở trêu giữa đường, bà phải ngâm mình dưới ao bèo lánh mặt. Vô tình bà gặp tảng đá trắng nổi lên, bèn mang theo bên người. Đêm ấy bà nằm nghỉ ở ngôi chùa nhỏ thuộc trang Trường Duệ, nửa đêm các phụ lão ở 4 trang Đồng Dụ, Trường Duệ, Hoàng Lân, Lương Quy bỗng mơ thấy Phật tổ về báo mộng, ban cho Phật bà hiện hình hòn đá, âm phù hộ quốc cứu dân qua cơn họa nạn suốt 2 thế kỷ. Sau này, Phật bà lại báo mộng phù hộ cho anh em Trịnh Kiểm, Trịnh Tùng đánh tan quân nhà Mạc, thu phục kinh đô, nhà Lê Trung Hưng kéo dài thêm 200 năm, còn dân chúng 4 trang vừa nêu cũng được phù hộ quanh năm mưa thuận gió hòa... Huyền tích xưa dẫu có đôi nét thần bí, nhưng nó thể hiện khát vọng ngàn đời của người Đồng Dụ đơn giản chỉ là hòa bình, an lạc để họ yên tâm sản xuất, nuôi dạy con cháu sống hiền hòa theo giáo lý của Phật tổ, Bô tát...

Chùa Đồng Dụ tên tự là Phúc Linh, có từ đời vua Lê Trung Tông (1548-1556) tọa lạc trên một gò đất cao của làng Đồng Dụ, xã Đặng Cương, huyện An Dương, vốn là một ngôi chùa lớn nổi tiếng trong vùng với nhiều tòa ngang dãy dọc, gồm hàng chục gian lớn nhỏ.

Theo thư tịch cổ, chùa Phúc Linh được làm toàn bằng gỗ lim nguyên cây bản lớn (cột cái tòa điện Phật 2 người ôm không xuê), mái lợp mũi lười hài cổ kính, thâm nghiêm thấp thoáng dưới bóng cổ thụ xanh um.

Khởi thủy, chùa có bố cục mặt bằng theo lối “Kim tinh lạc thủy”. Trong sân chùa có tượng các loại thú được chế tác bằng đá. Nội điện có nhiều tượng và các đồ thờ quý như: hoành phi, câu đối, đại tự..., tuy nhiên đã bị thời gian và chiến

tranh làm cho hư nát toàn bộ. Vườn chùa rộng hơn 3 mẫu đất Hợp tác xã cũng đã chia cho dân trồng trọt. Tháng 9 năm 2001, Thành hội Phật giáo Hải Phòng thể theo nguyện vọng dân làng đã cử Đại đức Thích Bản Hoan về cùng dân Đồng Dụ xây lại chùa Phúc Linh giữa muôn vàn khó khăn, thiếu thốn mọi bề.

Hiện tại chùa đã là 1 điểm đến của rất nhiều tăng ni, phật tử cũng như du khách thập phương. Vào các dịp lễ lớn chùa đón tiếp hàng ngàn lượt người tới tham dự và với khuôn viên nhà chùa như hiện tại là không đủ diện tích. Điều cấp thiết và cũng là mong mỏi của nhân dân địa phương cũng như tăng ni, phật tử là ngôi chùa được trùng tu tôn tạo lại cho phù hợp để xứng đáng ngôi chùa cổ lớn với hơn 500 năm lịch sử của mình.

PHẦN II. TÍNH TOÁN CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT CÓ LIÊN QUAN

2.1. Địa điểm xây dựng

Chùa Phúc Linh thuộc làng Đồng Dụ - xã Đặng Cương – Huyện An Dương – TP. Hải Phòng. Huyện An Dương giáp với tỉnh Hải Dương ở phía Tây và Tây Bắc, giáp với huyện An Lão ở phía Tây Nam, giáp với quận Kiến An ở phía Nam, huyện Thủy Nguyên ở phía Bắc, quận Hồng Bàng và quận Lê Chân ở phía Đông Nam.

2.2. Kích thước lô đất

Khu đất xây dựng chùa có diện tích 6,3 ha

2.3. Nhiệm vụ xây dựng và tôn tạo chùa Phúc Linh

1	Tam quan <ul style="list-style-type: none"> • Tam quan • Sân chùa 	
2	Bái đường <ul style="list-style-type: none"> • Gác chuông • Nhà thiêu hương 	<ul style="list-style-type: none"> - 36 – 72 m² - 150 -300 m²
3	Chính điện <ul style="list-style-type: none"> • Điện thờ tam thế • Điện thờ pháp chủ • Điện thờ quan thế âm bồ tát 	<ul style="list-style-type: none"> - 5000 m²
4	Hành lang	
5	Hậu đường <ul style="list-style-type: none"> • Khu nhà thờ tổ • Khu thờ mẫu 	<ul style="list-style-type: none"> - 1000 m²
6	Tăng , ni xá	<ul style="list-style-type: none"> - 1300 m² - 120người(6ng / 24m²)

7	Nhà trai, nhà trù - Kho lương thực, thực phẩm - Nhà bếp + ăn	- 1300 m ² - 300 m ² (Phòng ăn 1,5 m ² / chỗ)
8	Khu nhà đón tiếp, hướng dẫn	-
9	Nhà ban quản lý bảo vệ	-
10	Khu ki - ốt bán hàng	-
11	Nhà tọa soạn	- 200
12	Bãi đỗ xe	- 4000 m ²
13	Khu nhà bảo tồn (chùa cũ) - Bảo tàng phật giáo (chính điện cũ) - Nhà tĩnh tâm (nhà trai cũ) - Khu tháp mộ sư	- 5000 m ²
14	Khu vực phụ trợ - Bảo tháp - Giếng chùa - Hồ phóng sinh - Tượng phật quan thế âm - Vườn tượng phật tích - Khu mộ tăng ni, phật tử - Trạm bơm, điện, xử lý nước - Nhà WC công cộng	

PHẦN III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG

3.1. Hiện trạng sử dụng đất

- Diện tích đất sử dụng của chùa Phúc Linh hiện tại là 5300 m², tức là chưa được 10% diện tích đất.

3.2. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan

- Cảnh quan xung quanh khu đất xây dựng chùa là địa hình đồng bằng, xung quanh là ruộng bằng phẳng.

3.3. Hiện trạng môi trường

- Môi trường xung quanh yên tĩnh, không khí trong lành, ít khói bụi và tiếng ồn.
- Khu đất chùa nằm trong vùng thời tiết mang tính chất đặc trưng của thời tiết miền Bắc Việt Nam: nóng ẩm, mưa nhiều, có 4 mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông tương đối rõ rệt. Trong đó, từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau là khí hậu của một mùa đông lạnh và khô, mùa đông là 20,3°C; từ tháng 5 đến tháng 10 là khí hậu của mùa hè, nồm mát và mưa nhiều, nhiệt độ trung bình vào mùa hè là khoảng 32,5°C.
- Lượng mưa trung bình từ 1.600 – 1.800 mm/năm. Do nằm sát biển nên vào mùa đông, Hải Phòng ấm hơn 1°C và mùa hè mát hơn 1°C so với Hà Nội. Nhiệt độ trung bình trong năm từ 23°C – 26°C, tháng nóng nhất (tháng 6,7) nhiệt độ có thể lên đến 44°C và tháng lạnh nhất (tháng 1,2) nhiệt độ có thể xuống dưới 5°C. Độ ẩm trung bình vào khoảng 80 – 85%, cao nhất vào tháng 7, 8, 9 và thấp nhất là tháng 1, tháng 12.

2. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật

- Khu vực xây dựng chùa được cung cấp nước sạch và điện đầy đủ.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT Ý TƯỞNG CHUNG CỦA ĐỒ ÁN

4.1. Quy hoạch:

4.1.1 Khái quát chung về Quy hoạch kiến trúc chùa Việt Nam

Chùa Việt Nam bao giờ cũng là một quần thể kiến trúc, gồm các hạng mục công trình được bố trí theo các giải pháp bố cục khác nhau. Tổ hợp không gian chùa luôn tuân theo nguyên tắc khép kín mang tính hệ thống, tạo ra một không gian biệt lập với khu dân cư nhưng không quá cách xa để thuận tiện cho việc tu dưỡng của tăng ni và giáo hoá chúng sinh. Tên gọi các giải pháp quy hoạch này được đặt theo các chữ Hán có dạng gần với bình diện kiến trúc chùa, cụ thể như sau:

4.1.1.1 Kiểu chùa chữ Đinh (丁),

Có chính điện hay thượng điện (gọi là Đại hùng Bảo Điện), tức là ngôi nhà đặt các bàn thờ Phật, nối thẳng góc với nhà bái đường hay nhà tiền đường ở phía trước. Nhà bái đường đôi khi được gọi là chùa hộ, có lẽ vì ở đây thường tôn trí các tượng Hộ Pháp. Một số chùa tiêu biểu kiểu kiến trúc này là chùa Hà, chùa Bộc (Hà Nội); chùa Nhất Trụ, chùa Bích Động (Ninh Bình); chùa Trăm Gian (Hải Dương); chùa Dur Hàng (Hải Phòng),...

4.1.1.2. Kiểu chữ Công (工), Phổ biến hơn là kiến trúc có nhà chính điện và nhà bái đường song song với nhau và được nối với nhau bằng một ngôi nhà gọi là nhà Thiêu hương, nơi các vị tu hành làm lễ.

4.1.1.3. Kiểu chùa chữ Tam (三) thông thường là quy hoạch ba nếp nhà song song với nhau, thường được gọi là chùa hạ, chùa trung, chùa thượng, như kiểu chùa Kim Liên ở Hà Nội, chùa Tây Phương ở Hà Tây...

4.1.1.4. Kiểu chùa nội Công ngoại Quốc: Một kiểu chùa khá phổ biến ở miền Bắc Việt Nam là kiến trúc có hai hành lang dài nối liền nhà tiền đường (hay nhà bái đường) ở trước với nhà hậu đường có thể là nhà Tổ hay nhà Tăng xá ở phía sau làm thành một hình chữ nhật bao quanh lấy các kiến trúc khác ở

giữa. Kiểu chùa này gọi là nội công ngoại Quốc. Có nghĩa là phía trong có hình chữ Công (工), còn phía ngoài có cái khung bao quanh như ở chữ Quốc. Tiêu biểu kiểu kiến trúc này là chùa Cầu (Hội An); chùa Keo (Thái Bình),...

4.1.1.5. Chùa Tháp: Ở một số chùa có bố trí tháp Phật lớn ở trước mặt như chùa Dâu ở tỉnh Hà Bắc, chùa Phổ Minh ở tỉnh Hà Nam, nhưng một số chùa khác, các tháp lại ở hai bên chùa hay có vườn tháp riêng. Về cấu trúc của tháp Phật nói chung đều cấu tạo gồm 4 phần: phần ngậm, đế tháp, thân tháp và ngọn tháp. Phần ngậm có thể được xây theo hình vuông, lục giác, bát giác hoặc tròn; không gian ngậm thường nằm chìm hoàn toàn dưới mặt đất nhưng đôi khi có phần nằm trên mặt đất, phần phía dưới mặt đất (bán âm bán dương).

Đế tháp là phần tiếp giáp với mặt đất của tháp, đỡ toàn bộ kết cấu phía bên trên. Đế tháp được bổ sung thêm một bệ tháp với những trang trí lộng lẫy để cho kiến trúc trở nên hùng vĩ.

Thân tháp là phần chính của tháp. Thân tháp là dấu hiệu để phân biệt các phong cách kiến trúc. Ví dụ dựa vào vật liệu xây dựng thân tháp và thủ pháp sử dụng vật liệu người ta có thể chia thành: tháp gỗ, tháp gạch bên ngoài – gỗ bên trong, tháp lấy cột gỗ làm trung tâm, tháp với trụ gạch chính,...

Ngọn tháp là phần biểu thị cho cõi Phật vì vậy mà có vai trò rất quan trọng. Ngọn tháp thường có dáng thanh mảnh, là đầu chóp của công trình, nơi cố định rui xà, mái nóc và gờ mái, giúp ổn định kết cấu và ngăn không cho nước mưa thấm lọt vào bên trong. Ngọn tháp, bản thân đã là một tháp nhỏ với 3 phần đế - thân - đỉnh với một cọc ở giữa. Đế thường gồm một bệ đặt trên một nền phẳng hoặc trên nền cánh sen. Trên phần thân của ngọn tháp thường có nhiều cái đĩa, tháp càng lớn thì đĩa càng lớn, số lượng đĩa thường là số lẻ. Trên chồng đĩa là một cái lọng. Trên đỉnh ngọn tháp là một mặt trăng lưỡi liềm và viên đá quý, đôi khi hạt đá quý được trên hoặc giữa một vật trang trí hình ngọn lửa. Vật liệu tôn tạo tháp phổ biến là đá tự nhiên và gạch nung. Đó là những phần kết cấu tiêu biểu nhất của ngọn tháp tuy nhiên ngọn tháp có thể thay đổi tùy theo những thời kỳ, địa điểm và phong cách tháp.

4.1.1.6. Ngoài các kiểu chùa nêu trên có rất nhiều kiểu biến thể căn cứ vào địa hình Sơn, Địa, Hải đảo mà tạo ra các bố cục mang tính sáng tạo có giá trị cao về phương diện quy hoạch kiến trúc như kiểu chùa tiền Phật hậu Thánh đặc trưng ở chùa Thầy – Thạch Thất - Hà Nội. Chùa một mái, Chùa Một cột.... Một số chùa khác bố trí gác chuông phía trước, gác chuông phía sau, chùa có gác chuông ngay trên cửa tam quan, có chùa gác chuông lại ở trên nhà Tổ.

Giải pháp quy hoạch kiến trúc 6 kiểu chùa nêu trên chủ yếu dựa vào hạng mục kiến trúc chính là Đại hùng Bảo Điện. Trong các chùa ngoài cụm kiến trúc này ra còn có những hạng mục khác như:

1. Nhà Tổ: Nơi thờ tượng và kỷ vật của các vị Cao tăng có công xây dựng và sáng lập chùa;
2. Tầng xá: Thuộc khu nội tự bao gồm các dãy nhà ở cho tăng ni;
3. Nhà Trù: Khu vực bếp nấu phục vụ cho tăng ni và phật tử;
4. Trai đường : Khu nhà ăn;
5. Vườn Tháp Tổ: Tổ hợp các tòa tháp lưu giữ xá lợi và di cốt của các vị tu hành sau khi đã viên tịch;
6. Nhà tọa soạn: Các dãy nhà phục vụ cho việc soạn lễ cúng dàng của thập phương Phật tử;
7. Gác chuông, gác chiêng;
8. Tam Quan: Tam quan là cổng vào chùa được cấu tạo bởi một tòa nhà với ba cửa ra vào. Có thể bố trí một tam quan ngoài và một tam quan nội ...);
9. Ao, hồ sen: Góp phần tạo nên phong cảnh sơn thủy hài hòa, tươi đẹp;
10. Giếng chùa: Tạo ra bởi các mạch nước ngầm trong mát, kiến trúc giếng thường được xây dựng bởi các vật liệu như đá ong hoặc đá xanh tự nhiên, góp phần tạo nên điểm nhấn đẹp trong cảnh chùa;
11. Vườn cây, vườn hoa (còn gọi là Hoa viên). Tạo ra thế giới gần thiên nhiên, tĩnh lặng nhưng tươi đẹp, cây và hoa trong chùa phải được chăm sóc cẩn thận để phù hợp với cảnh chùa trang nghiêm và thanh tịnh;
12. Tịnh Thất: Căn cứ vào pháp môn tu hành của từng chùa mà bố trí các tịnh thất nhỏ tại các không gian yên tĩnh phục vụ cho việc tu hành.

4.1.2 Giải pháp quy hoạch cho chùa Phúc Linh:

Phân luồng giao thông rõ ràng, không bị giao cắt.

Sử dụng sảnh chung là trung tâm kết nối đến các khối chức năng. Sảnh chung như trái tim của công.

Quy hoạch công trình tận dụng lợi thế của hướng gió Đông Nam để dẫn gió vào công trình, làm mát cho công trình bằng thông gió tự nhiên.

Tăng diện tích mặt nước để làm mát cho công trình, tạo cảnh quan đẹp.

Phân khu chức năng rõ ràng, riêng biệt nhưng không tách biệt. Tạo được hệ kết cấu riêng để tiện thi công, thi công nhanh giúp làm lợi cho chủ đầu tư.

○ **Phương án 1: (chọn)**

Tổ chức không gian theo dạng chuỗi trung tâm đối xứng qua trục Chính Đạo tạo sự cân bằng, trang nghiêm bề thế cho công trình.

Hướng chùa là hướng Đông, đây là hướng nhìn của đức Bản sư Thích Ca Mâu Ni Phật khi ngài đắc đạo tại cội Bồ Đề.

Giao thông mạch lạc, phân khu chức năng rõ ràng không có sự chông chéo, có sự liên hệ giữa các khu kích thích tính tò mò

○ **Phương án 2: (so sánh)**

Tổng thể khuôn viên chùa được bố trí đăng đối qua trục Chính Đạo tạo sự cân bằng, trang nghiêm bề thế cho công trình. Ngay trong mặt bằng công trình cũng được bố trí hợp khối từ những hình chữ nhật để tạo nên sự cân bằng và ổn định.

Hướng chùa là hướng Nam (Đông Nam) đây là hướng phù hợp với các vùng địa lý có khí hậu 2 mùa rõ rệt như Hải phòng. Bố trí hướng chùa theo các hướng Nam để tránh rét về mùa đông có được sự mát mẻ về mùa hè.

Tuy nhiên giao thông lại gò bó, tạo cảm giác khô cứng khó chịu.

- Lập bảng cơ cấu sử dụng đất.

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (HA)	TỶ LỆ(%)
1	ĐẠI HÙNG BAO ĐIỆN	0,555	8,8
2	NHÀ TÔ , NHÀ MẤU	0,116	1,84
3	NHÀ TỌA SOẠN	0,279	4,43
4	BÀO THÁP	0,118	1,87
5	THIÊN VIỆN	0,130	2,06
6	NHÀ TÌNH THƯƠNG (DƯỠNG LÃO)	0,099	1,57
7	NHÀ CHAI, NHÀ TRÙ	0,137	2,17
8	TẶNG NI XÁ	0,137	2,17
9	KHU BẢO TỒN	0,529	8,4
10	BÃI ĐỂ XE	0,395	6,27
11	AO SEN	1,034	16,4
12	GIAO THÔNG	0,758	12,03
13	CÂY XANH VÀ CÔNG TRÌNH KHÁC	2,013	31,93
14	TỔNG DIỆN TÍCH	6,3	100

4.1.3. Định hướng chung về hạ tầng kỹ thuật.

Chùa tuy còn giữ lại được nét cổ kính, tuy nhiên quy mô ngôi chùa khá nhỏ những công trình hiện tại chỉ nên được giữ lại với mục đích bảo tồn.

4.2. Thiết kế công trình:

Bố cục trong kiến trúc chùa Phúc Linh cũng như các công trình kiến trúc chùa truyền thống khác đều tuân theo một số quy luật và nguyên tắc tạo hình là thống nhất và biến hoá, tương phản và dị biến, vận luật và nhịp điệu. Cụ thể:

4.2.1. **Bố cục kiến trúc:** Tổng thể khuôn viên chùa được bố trí đăng đối qua một trục (gọi là trục Chính Đạo hoặc được bố trí xoay quanh một tâm điểm (Tháp Phật, đài Quan Âm) tạo sự cân bằng, trang nghiêm bề thế cho công trình. Ngay trong mặt bằng công trình cũng được bố trí hợp khối từ những hình chữ nhật để tạo nên sự cân bằng và ổn định. Bố trí tượng thờ trong mặt bằng cũng thường được bố trí đăng đối qua trục. Đối với các công trình phụ khác trong khuôn viên, thông thường nếu có đủ diện tích thì cũng xây dựng theo kiểu đối xứng. Tuy nhiên tùy theo địa hình và nhu cầu xây dựng mà có những thay đổi phù hợp. Với các công trình như vườn tháp, gác chuông lại có dạng bố cục hướng tâm, mặt là hình vuông.

4.2.2. Nguyên tắc trọng điểm của việc thiết kế bố cục kiến trúc chùa Phúc Linh là : Phần kiến trúc chính (Đại Hùng Bảo Điện) nằm trên trục chính Đạo rộng nhất, nằm ở trung tâm và cao nhất.

• **Bảo điện:** Với diện tích sử dụng lên đến 5500 m² vs mật độ xây dựng là 30 % tòa bảo điện được tập trung mọi tinh hoa kiến trúc và nghệ thuật. Bảo điện được thiết kế theo hình chữ Tam hướng Đông, đây là hướng nhìn của đức Bản sư Thích Ca Mâu Ni Phật khi ngài đắc đạo tại cội Bồ Đề.

- **Bố trí tượng phật trong bảo điện (thiêu hương, chính điện)**
 - **Bài trí tượng trong tòa Thiêu hương:**
 - 1) Ban Đức Ông ở bên trái tiền đường, tượng có y phục theo lối võ quan, hai bên tượng có hai vị thị giả.
 - 2) Ban Thánh hiền ở bên phải tòa Tiền đường, mặc áo cà sa vàng, đội mũ Liên hoa Thất Phật, chân dung hiền hòa, tươi tắn, bên cạnh có hai vị thị giả.
 - 3) Tượng Bát bộ Kim Cương: Là vị có phiếm thần, gồm tám pho tượng đứng hai hàng hai bên gian Thiêu hương là không gian thêm phần uy nghiêm. Các tượng có dáng đứng và chi tiết khác nhau nhưng đều mặc áo giáp trụ, mũ kim khôi, đi hia, cầm binh khí.
 - 4) Bài trí tượng trong tòa Thượng điện:

- 5) Tòa thượng điện còn gọi là Tam Bảo hay đại hùng bảo điện, gồm nhiều tượng phật đặt trên các bệ xây từ thấp đến cao, tượng trưng cho sự tu hành và đặc đạo của Đức Phật đồng thời biểu hiện các triết lý của Đạo Phật. Nghĩa của Đại hùng: Thắng nhân giả anh, Thắng kỹ giả hùng (thắng được mình mới là bậc địa hùng).
- Hệ thống bài trí tượng trong Chính điện:
- 6) Lớp thứ nhất: Trên cùng là tượng Tam thế, tên đầy đủ là Tam thế tam thiên Phật, nghĩa là Ba nghìn vị Phật thời quá khứ hiện tại tương lai, trong đó Thiên (ngàn) là con số phiếm chỉ không đếm được.
- 7) Lớp thứ hai: Bộ tượng Di đà tam tôn mang tính chất tuyên ngôn cho Phật giáo bởi đại diện cho từ tâm và trí tuệ. Trong đó, Phật Adidà ở giữa thể hiện tám tính (bát đại) phân thân biểu hiện thành ngài Quán Thế Âm Bồ Tát bên trái thể hiện bốn tính thuộc từ tâm là Đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả và ngài Đại Thế chí Bồ tát thể hiện bốn tính thuộc trí tuệ, Đại hùng, đại lực, đại trí, đại dũng.
- 8) Lớp thứ ba: Bộ tượng Thích ca niêm hoa, với mô hình Nhất Phật nhị tôn giả, Đức Thích Ca ngồi kết già ở giữa, tay giơ đóa sen, Maha Ca Diếp và ngài A nan thị giả ở bên trái và bên phải.
- 9) Lớp thứ tư: Tượng tuyết Sơn mô tả quá trình bảy năm tu khổ hạnh trong núi Hymalaya không tìm được chân lý. Tọa hình tượng khắc khổ.
- 10) Lớp thứ năm: Bộ tượng Di Lạc tam tôn có mô hình Nhất Phật nhị Bồ Tát.
- 11) Lớp thứ sáu: Tòa Cửu Long ở giữa, bên trái là Đế Thiên, bên phải là Đế Thích. Tòa Cửu long này được xây dựng theo tích Thích ca sơ sinh – một trong bốn tích quan trọng trong đức Thích Ca (đản sinh, xuất gia, thành đạo và nhập Niết bàn).
- 12) Ngoài sáu lớp bố trí tượng nêu trên trong Đại hùng Bảo điện còn tôn trí các pho tượng sau:

- 13) Tượng Nam Tào, Bắc Đẩu: Phía trước tòa Cửu Long còn có tượng Nam Tào (mũ đỏ, quần áo đỏ, mặt đỏ), Bắc Đẩu (Mũ đen, quần áo đen, mặt đen). Sự xuất hiện hai vị tinh quân này trên Phật điện là do tư duy nhân gian.
- 14) Tượng Thập điện Diêm Vương: Hai bên Phật điện còn có tượng Thập điện Diêm Vương cai quản mười cửa điện. Tọa hình các vị này theo lối Hoàng đế, mũ bình thiên, áo cổn, đi hia, tay cầm hốt ngồi trên ngai.
- 15) Tượng các vị Tổ kế đặng (dân gian quen gọi là tượng La Hán): thường được thờ ở hai dãy nhà dọc theo thượng điện.
- 16) Tượng Quan Âm thị kính thể hiện ở hình tướng nữ nhân, ngồi trên núi, tay bế đứa trẻ, chân đặt trên hòm chữ nhật, phía sau có con vệt.
- 17) Tượng Quan Âm thiên thủ thiên nhãn có sự tích từ truyện nàng chúa Ba Diệu Thiện hóa thân thành ngàn mắt ngàn tay. Tượng này thường có hình tướng nữ nhân, các búp tay ống tơ xòe ra, ở dưới có Rồng hay Quỷ đội tòa sen.
- 18) Tượng Thổ Địa: Canh giữ cửa chùa
- 19) Tượng Giám Trai: Kiểm tra sự thanh tịnh của lễ Phật
- 20) Tượng các Tổ chùa: được tạo hình với chân dung cụ thể, xuất phát từ các vị sư tổ khai dựng hoặc có công với chùa, luôn trong y phục tu hành, thần thái từ bi, trang nghiêm, uy nghi và minh triết nhưng mang cá tính khá rõ nét.
- 21) Các tượng Hậu, lại thể hiện lối ứng xử uống nước nhớ nguồn của người Việt, tạo hình theo nhân vật lịch sử có công xây dựng chùa.

- Mặt bằng Đại hùng bảo điện:
- Mặt cắt Đại hùng bảo điện:
- Mặt đứng Đại hùng bảo điện:

- **Mặt bằng mái Đại hùng bảo điện:**

Trong chùa ngoài cụm kiến trúc Đại hùng bảo điện này ra còn có những hạng mục khác như:

- **Nhà Tổ:** Nơi thờ tượng và kỷ vật của các vị Cao tăng có công xây dựng và sáng lập chùa;
- **Tăng xá:** Thuộc khu nội tự bao gồm các dãy nhà ở cho tăng ni;
- **Nhà Trù:** Khu vực bếp nấu phục vụ cho tăng ni và phật tử;
- **Trai đường :** Khu nhà ăn;
- **Vườn Tháp Tổ:** Tổ hợp các tòa tháp lưu giữ xá lợi và di cốt của các vị tu hành sau khi đã viên tịch;
- **Nhà tọa soạn:** Các dãy nhà phục vụ cho việc soạn lễ cúng dàng của thập phương Phật tử;
- **Gác chuông, gác trống;**
- **Tam Quan:** Tam quan là cổng vào chùa được cấu tạo bởi một tòa nhà với ba cửa ra vào. Có thể bố trí một tam quan ngoài và một tam quan nội ...);
- **Ao, hồ sen:** Góp phần tạo nên phong cảnh sơn thủy hài hòa, tươi đẹp;
- **Giếng chùa:** Tạo ra bởi các mạch nước ngầm trong mát, kiến trúc giếng thường được xây dựng bởi các vật liệu như đá ong hoặc đá xanh tự nhiên, góp phần tạo nên điểm nhấn đẹp trong cảnh chùa
- **Nhà tình thương:** Nơi ở và chăm sóc cho người già neo đơn và trẻ em cơ nhỡ không nơi nương tựa.

4.2.3. Đặc thù nghệ thuật trong tạo hình kiến trúc nói chung và chùa được biểu hiện rõ nét ở mối tương quan tỷ lệ. Tỷ lệ chính trong bản thân, giữa cái lớn cái bé, cái chung cái chi tiết, tỷ lệ giữa các chiều trong không gian,... Và được thể hiện cả ở mối tương quan giữa công trình với môi trường xung quanh, với thiên nhiên cảnh quan. Trong kiến trúc chùa truyền thống không có các công trình kiến trúc đồ sộ. Các công trình có kích thước tương đối lớn cũng gắn bó hoà hợp với thiên

nhiên và con người, không có tác động thống trị và áp đặt lên thiên nhiên và con người.

4.2.4. Về mặt bằng: hầu hết các hạng mục công trình Chùa đều tổ hợp từ hình chữ nhật với các gian lẻ. Các tỷ lệ giữa thành phần kết cấu nhà với nhau bao giờ cũng có một sự tương quan kích thước nhất định mang đến sự hài hoà. Về không gian chùa được xây dựng bằng vật liệu gỗ chủ yếu được quyết định bởi các bộ vì. Bộ vì được hình thành bởi 6 cây cột (2 cột cái, 2 cột quân và 2 cột hiên) hoặc 4 cây cột (2 cột cái và 2 cột quân). Vì kèo có tỷ lệ đứng / ngang = 2/3 tạo thành độ dốc $i = 66,6 \%$.

4.2.5. Nguyên tắc liên hệ và phân cách: Sự liên hệ và phân cách thể hiện qua các bộ phận, các thành phần kiến trúc khác nhau và rõ nhất là yếu tố hình khối thiên nhiên và kiến trúc công trình tương đối độc lập nhưng nhờ không gian mở của hàng hiên, cửa các dãy nhà hành lang, làm yếu tố chuyển tiếp đã khiến không gian vườn như ăn sâu vào công trình. Sự liên hệ ở đây còn được thể hiện bởi các dãy hành lang kết nối các hạng mục công trình chính để đảm bảo cho một liên kết chặt chẽ về không gian và thích dụng.

4.2.6. Yêu cầu về nhân chủng học và nhu cầu hoạt động của con người kết hợp với đặc tính của gỗ, quy mô không gian do kết cấu gỗ tạo nên... đã đạt được tính tỷ lệ về con người và kiến trúc. Một số chùa không có khả năng sử dụng gỗ có thể thay thế bằng kết cấu bê tông cốt thép. Cho dù dùng loại vật liệu gì chăng nữa Tỷ lệ không gian của công trình cần phải đáp ứng và tuân thủ để đạt được sự gần gũi và gắn bó với hoạt động của con người

PHẦN V. PHẦN KỸ THUẬT

5.1. Vật liệu và kỹ thuật xây dựng chùa

Hiện nay được sử dụng là các chủng loại phù hợp với môi trường khí hậu tại địa phương, từ tre, tranh, gạch ngói, bê tông, đá, gỗ. Các công trình truyền thống thường sử dụng vật liệu gỗ (thường gặp gỗ lim, gỗ đinh, gụ, táu... cho hệ thống kết cấu khung cột, hệ thống cửa, rui hoành... Đá thường được sử dụng là đá nguyên khối từ đá ong, đá sa thạch, đá xanh... sử dụng trong nền, bậc cấp, chân tảng. ...

Vật liệu đất nung được sử dụng và chế tác thành các sản phẩm đáp ứng các mục đích sử dụng khác nhau. Ví dụ, mái các công trình lợp ngói lòng máng như âm dương, ngói ống ... và mái lợp ngói bản như ngói mũi hài, vẩy rồng, vẩy hến, ngói di, ngói liệt là dạng mái nhiều lớp, dưới cùng là lớp ngói lót, trên là các lớp ngói chính được xen chồng lên nhau để che mưa nắng. Tường tại các công trình chùa thường là tường gạch nung, gạch hỗn hợp vôi đất, xi măng, đá ong. Gạch bát được sử dụng để lát nền sân, hiên... Gạch trang trí phủ ngoài mặt tường, tháp, gạch nung sành để làm tháp mộ, gạch xây cột vuông...

Với sự phát triển đa dạng của công nghệ vật liệu xây dựng mới, việc tu bổ cải tạo, mở rộng chùa cũng như xây dựng mới ảnh hưởng bởi chất liệu xây dựng tiên tiến nên chùa Phúc Linh có thêm nhiều giải pháp xử lý về mặt kết cấu cũng như bề mặt hoàn thiện.

5.2. Kỹ thuật xây dựng.

Yêu cầu về Độ bền vững là một đặc trưng chính của các công trình kiến trúc Chùa. Bí quyết làm cho các kiến trúc gỗ bền vững, bên cạnh việc chọn vật liệu (gỗ to, gỗ tốt, đá cứng hay gạch nung già). Trong kiến trúc gỗ nhân tố cơ bản chống đỡ kiến trúc là các bộ vì. Bộ vì được hình thành bởi các cây cột, hệ thống liên kết cột và là sự kết hợp hài hoà hai yếu tố là lòng nhà và độ chảy của mái nhà. Sau đó, người ta nối các vì với nhau bằng hệ thống xà ăn mộng qua các cột. Lực ép và sức nặng của toàn bộ mái nhà dồn xuống các đầu cột. Các câu đầu, xà nách, kẻ, bẩy,

các đầu dư, đầu ghé hợp lý cũng có ý nghĩa quan trọng trong việc giữ cân bằng và gánh đỡ kiến trúc của bộ vì.

Ngày nay việc kết hợp giữa kinh nghiệm truyền thống với sự tính toán hợp lý của công nghệ máy tính hiện đại về cả hình học, vật lý, cả về mỹ thuật và kỹ thuật thi công xây dựng. Đó là giá trị về tính toán cho kiến trúc chùa luôn nằm trong thế cân bằng và ổn định.

○ Màu sắc của chùa

Màu sắc của chùa dùng màu tự nhiên của vật liệu xây dựng, màu nâu đỏ của mái ngói, màu nâu của kết cấu bộ vì, vách gỗ, màu xám nhạt của chân tảng, của bậc thềm đá... Màu vôi trắng của tường đầu hồi hoặc màu tự nhiên của các hàng gạch xây tường miết mạch không trát. Các hoạ tiết đôi lúc được trang trí bằng màu, màu xám nhạt của bờ nóc, bờ dải, bờ guột và đầu đao góc mái. Một số dạng màu thường được sử dụng trong các công trình để tạo nên sự tương phản về độ sáng. Ví dụ như gam màu trắng của tường quét vôi là sáng trong khi gam nâu sậm của gỗ là tối, hoặc gam đỏ sậm của gạch trần là tối nổi lên khoảng trắng của cửa sổ là các hình chữ Vạn hoặc biểu tượng sắc - không đắp vữa...

Ngoài màu tự nhiên của vật liệu, còn sử dụng màu vàng và đỏ của đồ gỗ sơn son thếp vàng. Các gam màu vàng đỏ có thể bắt gặp ở bất kỳ một công trình chùa nào trong các đồ thờ, tượng, hoành phi... Màu vàng son với ánh sáng đèn, nến, hương khói mờ ảo tạo nên một không gian linh thiêng hơn, vừa thực lại vừa hư, thể hiện triết lý vô vi của nhà Phật.

Một số chùa Việt qua giao lưu văn hóa học tập các nước bạn, do đó có thể nhận thấy màu sắc khác nhau trong một số công trình. Cột phủ sơn mài thếp vàng và vẽ hình mây, rồng cuốn với hai màu vàng đỏ là chủ đạo, vẽ bột màu trên các hoa văn trang trí với màu sắc sặc sỡ ...

Ánh sáng trong chùa rất ít, chủ yếu là sử dụng ánh sáng khúc xạ và phản quang thông qua các bộ phận như cửa sổ, cổ diêm hoặc thiên tinh và ánh sáng nhân tạo là đèn, nến... Điều này là kết quả của việc quan niệm nơi thờ Phật thì phải linh

thiên, huyền bí, trang nghiêm, kiến trúc như vậy phải u trầm tĩnh mịch tạo một tâm lý tôn kính cho con người bước chân vào nơi cửa Phật.

○ Trang trí, điêu khắc công trình.

Bố cục trong một tác phẩm điêu khắc là thước đo lớn nhất cho sự thành công của tác phẩm. Trong kiến trúc cổ, ta thường gặp bố cục theo kiểu cân xứng (những cặp rồng, những hoa văn họa tiết đối nhau...). Bố cục hướng tâm (có hoa văn trung tâm trong một khung khép kín), bố cục hình dải gọi là hội văn (hoa cúc, dây hình chữ vạn, pháp khí...)

Kiến trúc chùa sử dụng điêu khắc và hội họa từ các hoa văn, đề tài trang trí mang đậm ý nghĩa tượng trưng góp phần vào việc giác ngộ chúng sinh bởi các điển tích được nói đến trong kinh Phật, như là một yếu tố phụ trợ tăng tính nghệ thuật đồng thời diễn đạt ý nghĩa biểu trưng, mang đậm triết lý nhà Phật.

5.3. Kết luận

Căn cứ vào hiện trạng cũng như nhu cầu ngắn hạn và dài hạn, trước khi bắt tay vào triển khai phải cân nhắc cẩn trọng trong việc quy hoạch định hướng tổng thể. Việc làm thiết thực này sẽ tránh được sự lãng phí không cần thiết.

Theo dõi bước đi của ngôi chùa Việt Nam qua suốt chiều dài lịch sử, em thấy rõ ở mỗi thời kỳ, các ngôi chùa, ngọn tháp đều có một kiểu dáng riêng biệt (như ở ngôi chùa Phúc Linh này là kiểu dáng nhà Lê). Bao giờ cái truyền thống cũng gắn với cái hiện đại, việc tiếp thu các kiểu kiến trúc của các chùa tháp trên thế giới cũng như các giải pháp sáng tạo có được bắt nguồn từ công nghệ vật liệu và công nghệ xây dựng mới cần phải chú ý để không làm mất đi bản sắc dân tộc. Cái bản sắc dân tộc ở đây phải được nhìn nhận là sự phù hợp với con người và tư duy thời đại mới ở sự cảm nhận về mỹ thuật, về kiến trúc kết hợp với nhu cầu sử dụng. Đây là bài toán khó, nhưng ông cha ta đã làm được. Âu cũng là điều chúng ta phải suy nghĩ trong hiện tại.

PHẦN HÌNH VẼ

.